

Bản án số: 69/2026/HS-ST
Ngày 05 - 9 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tông Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Sùng Thị Sua, ông Sùng A Dinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lò Thị Trang Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở TAND khu vực 3 – Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 73/2026/TLST-HS ngày 20/8/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2026/QĐXXST-HS ngày 24/8/2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Quàng Thị T** - Tên gọi khác: Không có tên gọi khác; Sinh năm 1974 tại xã C, tỉnh Điện Biên; Căn cước công dân số: 011174005354, cấp ngày 09/01/2022, nơi cấp: Cục C1 về trật tự xã hội; Nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Bản T, xã C, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Quàng Văn D - sinh năm 1946 và bà Lò Thị Ó (đã chết); C là Tông Văn P (đã chết) và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1990, con nhỏ nhất sinh năm 2000; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2007 bị TAND huyện Tuần Giáo (nay TAND khu vực 3 - Điện Biên) xử phạt 24 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy tại Bản án số 30/2007/HSST ngày 15/3/2007, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/9/2008; Năm 2013 bị TAND huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La (nay là TAND khu vực 2, Sơn La) xử phạt 33 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy tại Bản án số 120/2013/HSST ngày 20/9/2013, bị cáo được đặc xá ngày 31/8/2015; Năm 2019 bị TAND huyện Tuần Giáo (nay TAND khu vực 3 - Điện Biên) xử phạt 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy tại Bản án số 42/2019/HSST ngày 19/6/2019, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/10/2021 (cả 03 bản án đã được xóa án tích); Chưa bị xử phạt hành chính.

Tạm giữ từ ngày 06/6/2026 đến ngày 15/6/2026, tạm giam từ ngày 15/6/2026 đến nay. Bị cáo có mặt.

2. Họ và tên: **Lò Văn Á** - Tên gọi khác: Không có tên gọi khác; Sinh năm 1990 tại xã T, tỉnh Điện Biên; Căn cước công dân số: 011090001388, cấp ngày 13/4/2021, nơi cấp: Cục C1 về trật tự xã hội; Nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Bản Cù, xã T, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lò Văn X (đã chết) và bà Lường Thị H – sinh năm 1968; Vợ là Lò Thị H1 – sinh năm 1991 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Chức vụ trước khi phạm tội: Phó bí thư chi bộ bản Cù, xã T, tỉnh Điện Biên; Trưởng bản Cù, xã T, tỉnh Điện Biên (ngày 29/6/2026 bị khai trừ khỏi Đảng và công nhận kết quả cho thôi làm Trưởng bản Cù, xã T, tỉnh Điện Biên); Nhân thân: Chưa bị xử lý hành chính, chưa bị Tòa án nào xét xử.

Tạm giữ từ ngày 06/6/2026 đến ngày 15/6/2026, tạm giam từ ngày 15/6/2026 đến nay. Bị cáo có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Quàng Thị T:* Bà Nguyễn Thị L – Là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và Đấu giá tài sản tỉnh Đ. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn Á:* Bà Lường Thị T1 – Là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và Đấu giá tài sản tỉnh Đ. Có mặt.

- *Người có nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Vũ Chí H2 – sinh năm 1969; Nơi cư trú: Bản T, xã C, tỉnh Điện Biên. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Tuần Giáo, Trại tạm giam Công an tỉnh Đ. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ ngày 06/6/2026, bị cáo Á điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave α, màu sơn đen, biển kiểm soát 27AZ-036.19 đi từ nhà tại bản C, xã T, tỉnh Điện Biên đến nhà Quàng Thị T để tìm mua ma túy sử dụng. Khi đến nơi, Á hỏi mua 100.000 đồng ma túy của T. T đồng ý và nhận tiền của Á rồi đi vào phòng ngủ cất dưới đệm ngủ, lấy gói Heroine được gói bằng mảnh nilon màu xanh từ dưới đệm ra, cầu lấy một ít Heroine rồi dùng mảnh nilon màu trắng gói lại thành 01 gói nhỏ Heroine, đồng thời T cầm thêm 01 gói giấy màu trắng bên trong có chứa các cục bột Heroine và cục bột Methamphetamine trộn lẫn với nhau mang ra bán cho Á. Mua được ma túy, Á cất giấu 02 gói vào túi áo ngực đang mặc rồi quay về nhà. Đến 09 giờ cùng ngày khi Á điều khiển xe mô tô đến khối Đ (nay là thôn Đ), xã T, tỉnh Điện Biên thì bị tổ công tác Công an xã T phối hợp với tổ công tác theo Kế hoạch 1266 Công an tỉnh Đ phát hiện, bắt quả tang, thu giữ trong túi áo ngực bên trái phía trước đang mặc của Á 01 gói nilon trắng bên trong chứa khối lượng 0,13 gam Heroine và 01 gói giấy trắng bên trong chứa khối lượng 0,07 gam Heroine và Methamphetamine; 01 chiếc xe mô tô (kèm chìa khóa xe).

Căn cứ vào lời khai của bị cáo Á, tài liệu, chứng cứ thu thập được, hồi 13 giờ 20 phút, ngày 06/6/2026 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ phối hợp với Công an xã T đã tiến hành khám xét nơi ở của bị cáo Quảng Thị T và thu giữ trên kệ trang điểm trong phòng ngủ cạnh cầu thang dưới tầng 01, gồm: 01 túi nilon trong suốt; 02 gói giấy; 01 gói nilon màu xanh, bên trong các gói đều chứa Heroine có tổng khối lượng 0,58 gam; thu giữ dưới đệm giường ngủ của Tươi số tiền 100.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo T khai nhận: Việc bị cáo cất giấu ma túy nhằm mục đích để sử dụng và để bán kiếm lời; Ngày 06/6/2026 bị cáo đã bán được 02 gói ma túy cho bị cáo Á với số tiền 100.000 đồng. Nguồn gốc số ma túy T bán cho Á và số ma túy thu giữ được khi khám xét nhà của bị cáo là do Vũ Chí H2 cho T.

Quá trình điều tra, Vũ Chí H2 không thừa nhận việc đã đưa ma túy cho Quảng Thị T.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô cho chủ sở hữu hợp pháp Lò Văn N.

Quá trình điều tra, tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng đã truy tố.

Tại bản Kết luận giám định số 630/KL- KTHS ngày 12/6/2026 của Phòng K Công an tỉnh Đ kết luận:

+ Vật chứng gửi giám định của Quảng Thị T ký hiệu M1, M2, M3, M4 có tổng khối lượng 0,58 gam là chất ma túy: Loại Heroine. H mẫu vật còn lại sau giám định có tổng khối lượng 0,427 gam (M1: 0,03 gam; M2: 0,28 gam; M3: 0,007 gam; M4: 0,11 gam).

+ Vật chứng gửi giám định của Lò Văn Á ký hiệu M1 có khối lượng 0,13 gam là chất ma túy: Loại Heroine; M2 có khối lượng 0,07 gam là chất ma túy: Loại Heroine và M. H mẫu vật còn lại sau giám định có tổng khối lượng 0,11 gam (M1: 0,09 gam; M2: 0,02 gam).

Tại bản Kết luận giám định số 736/KL- KTHS ngày 22/6/2026 của Phòng K Công an tỉnh Đ kết luận: 02 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng có số mã hiệu: XL 21442276, LP 20941777 gửi giám định là tiền thật.

Cáo trạng số 37/CT-VKSKV3 ngày 19/8/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Điện Biên truy tố bị cáo Lò Văn Á về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025); truy tố bị cáo Quảng Thị T về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 251; các điểm p, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025), xử phạt bị cáo Quảng Thị T từ 03 năm 05 tháng đến 03 năm 08 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

- Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025),

xử phạt bị cáo Lò Văn Á từ 03 năm đến 03 năm 03 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về vật chứng: Áp dụng các điểm b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Đề nghị tịch thu tiêu hủy khối lượng ma túy hoàn lại sau giám định của các bị cáo; 02 mảnh nilon; 03 mảnh giấy; 01 túi nilon trong suốt; Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 100.000 đồng do bị cáo T phạm tội mà có.

- Về án phí: Đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo T; Buộc bị cáo Á phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Người bào chữa cho các bị cáo nhất trí với Cáo trạng, luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo T: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm p, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025) xem xét mức hình phạt nhẹ nhất trong khung đề nghị của Viện kiểm sát; không áp dụng hình phạt bổ sung; xử lý vật chứng theo quy định và đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Á: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025) xem xét mức hình phạt nhẹ nhất trong khung đề nghị của Viện kiểm sát; không áp dụng hình phạt bổ sung; xử lý vật chứng theo quy định; áp dụng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo không có ý kiến gì bổ sung vào luận cứ bào chữa.

Trong phần tranh luận do các ý kiến của người bào chữa đồng nhất với ý kiến đại diện Viện kiểm sát về tình tiết giảm nhẹ, mức hình phạt, án phí sơ thẩm nên các bên không có tranh luận gì.

Lời nói sau cùng các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt ngoài ra không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về hành vi phạm tội:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người chứng kiến, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang bị cáo Á, kết quả thu giữ vật chứng; biên bản khám xét nơi ở của bị cáo T; biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng, bản kết luận giám định.

Có đủ cơ sở kết luận vào ngày 06/6/2026 tại nhà bị cáo Quảng Thị T, bị cáo T đã bán 0,13 gam Heroine và 0,07 gam Methamphetamine cho bị cáo Á với giá 100.000 đồng; khối lượng 0,58 gam Heroine thu giữ được tại nhà bị cáo T là số Heroine của bị cáo T cất giấu nhằm mục đích để bán và sử dụng, tổng số ma túy bị cáo T bán và sử dụng có khối lượng 0,78 gam. Hành vi bán trái phép chất ma túy của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025).

Cũng có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Á đã mua được ma túy của bị cáo T có khối lượng 0,13 gam Heroine và 0,07 gam Methamphetamine, tổng khối lượng hai chất ma túy là 0,2 gam. Hành vi mua và cất giấu trái phép hai chất ma túy của bị cáo Á với mục đích sử dụng đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025).

Vì vậy, Cáo trạng truy tố các bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo Quảng Thị T đã tàng trữ trái phép chất ma túy với mục đích để bán và bị cáo đã bán được ma túy cho bị cáo Á thu lợi bất chính số tiền 100.000 đồng, nên bị cáo T phải chịu trách nhiệm về hành vi mua bán trái phép chất ma túy với số ma túy đã thu giữ của bị cáo 0,58 gam Heroine và thu giữ của bị cáo Á khối lượng hai chất ma túy là 0,2 gam Heroine và Methamphetamine với tổng khối lượng bị cáo T phải chịu là 0,78 gam ma túy.

Bị cáo Á phải chịu trách nhiệm về hành vi mua và tàng trữ trái phép hai chất ma túy với khối lượng đã mua được 0,13 gam Heroine và 0,07 gam Methamphetamine.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy. Hành vi của các bị cáo còn tiếp tay cho tội phạm về ma túy tồn tại và phát triển, là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác, làm ảnh hưởng đến sức khỏe, kinh tế gia đình và trật tự trị an, an toàn xã hội trên địa bàn, vì vậy cần phải bị xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Về nhân thân: Các bị cáo đều là người nghiện chất ma túy; Bị cáo T đã có 03 lần bị kết án về tội Mua bán và tàng trữ trái phép chất ma túy, bị cáo đã chấp hành xong cả 03 bản án và tính đến ngày phạm tội (ngày 06/6/2026) bị cáo đã được xóa án tích. Bị cáo Á chưa bị xử phạt hành chính và chưa bị Tòa án nào xét xử.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo về toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "thành khẩn khai báo" theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho các bị cáo.

Bị cáo T được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng do khuyết tật nặng (theo Quyết định số 1590/QĐ – UBND ngày 17/8/2022) của UBND huyện T (cũ), nên Tươi được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Người phạm tội là người khuyết tật nặng" theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Năm 2026 bị cáo Á được tặng giấy khen do hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2025 (theo Quyết định số 223 – QĐ/ĐU ngày 05/01/2026) của Ban thường vụ Đảng ủy xã T, tỉnh Điện Biên và có ông bà nội, ông ngoại được Nhà nước

tặng thưởng huân chương kháng chiến nên Ánh được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất mức độ phạm tội của các bị cáo, xét về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng mức hình phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo và cách ly khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo.

Đề nghị của Kiểm sát viên, người bào chữa về tình tiết giảm nhẹ, mức hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào biên bản xác minh tài sản của Cơ quan cảnh sát điều tra và qua tranh tụng tại phiên tòa cho thấy, các bị cáo không có tài sản gì; các bị cáo không có việc làm và thu nhập thường xuyên, đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền hoặc tịch thu tài sản đối với bị cáo Á theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự và đối với bị T theo quy định tại khoản 6 Điều 251 của Bộ luật hình sự là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Biện pháp tư pháp và việc xử lý vật chứng:

Đối với khối lượng ma túy 0,427 gam thu giữ của bị cáo T và khối lượng ma túy 0,11 gam thu giữ của bị cáo Á hoàn lại sau giám định là vật Nhà nước cấm tàng trữ; 01 mảnh nilon màu trắng; 01 mảnh nilon màu xanh; 02 mảnh giấy; 01 mảnh giấy trắng; 01 túi nilon trong suốt; 02 vỏ phong bì niêm phong cũ là vật không có giá trị sử dụng, nên cần tịch thu tiêu huỷ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với số tiền 100.000 đồng thu giữ của bị cáo T bán ma túy mà có. Xét thấy đây là số tiền do bị cáo T thu lợi bất chính từ việc bán trái phép ma túy cho bị cáo Á, nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[6] Về vấn đề khác có liên quan:

Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho bị cáo Á sử dụng ngày 02/6/2026, quá trình điều tra và tại phiên tòa không xác định được họ tên, địa chỉ nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét, xử lý.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo, Cơ quan điều tra đã xác định mẫu nước tiểu của các bị cáo dương tính với ma túy. Tuy nhiên các bị cáo không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 256a của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Do đó, Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo về tội "Sử dụng trái phép chất ma túy", nên Công an xã T đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bị cáo Á bằng hình thức cảnh cáo; Công an xã C đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bị cáo T bằng hình thức cảnh cáo là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với Vũ Chí H2 là người bị cáo Quảng Thị T khai đã đưa ma túy cho Tươi 02 lần, qua điều tra, đối chất H2 không thừa nhận việc đã đưa ma túy cho T, ngoài lời khai của Tươi, không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh Hưng đã đưa ma túy cho T, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét trong vụ án này.

Hiện H2 đang bị khởi tố, điều tra bằng 01 vụ án hình về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy trong vụ án khác.

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave α , màu sơn đen, biển kiểm soát 27AZ-036.19 thu giữ của bị cáo Á đã làm rõ thuộc sở hữu hợp pháp của Lò Văn N, việc bị cáo Á sử dụng xe làm phương tiện phạm tội Lò Văn N không biết, nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho Lò Văn N là phù hợp, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Về án phí:

Bị cáo T là người khuyết tật, người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nên cần miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Á phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025).

1. Tuyên bố:

1.1. Bị cáo Quàng Thị T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Áp dụng khoản 1 Điều 251, các điểm p, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025).

Xử phạt bị cáo Quàng Thị T 03 (ba) năm 05 (năm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 06/6/2026.

1.2. Bị cáo Lò Văn Á phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025).

Xử phạt bị cáo Lò Văn Á 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 06/6/2026.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng các điểm b,c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; các điểm a,b,c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

- Tịch thu tiêu hủy:

+ Khối lượng ma túy hoàn lại sau giám định: 0,427 gam Heroine (gồm: M1: 0,03 gam; M2: 0,28 gam; M3: 0,007 gam; M4: 0,11 gam) thu giữ của bị cáo Quàng Thị T.

+ Khối lượng ma túy hoàn lại sau giám định: 0,11 gam Heroine và Methamphetamine (gồm: M1: 0,09 gam; M2: 0,02 gam) thu giữ của bị cáo Lò Văn Á.

+ 01 mảnh nilon màu xanh; 01 mảnh nilon màu trắng; 02 mảnh giấy; 01 mảnh giấy trắng; 01 túi nilon trong suốt, dạng túi có nếp bấm; 02 vỏ phong bì niêm phong cũ.

Số vật chứng trên hiện đang được bảo quản tại Kho vật chứng thuộc Phân trại tạm giam Tuần G, Trại tạm giam Công an tỉnh Đ.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) tiền ngân hàng N1 thu giữ của bị cáo Quàng Thị T.

Số tiền trên hiện đang gửi tại tài khoản tạm giữ của Công an tại Phòng G1, Kho bạc Nhà nước khu vực X.

3. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Quàng Thị T.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Lò Văn Á phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 1 Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 05/9/2026).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- VKSND khu vực 3 - Điện Biên;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh;
- Phòng HSNV, Lý lịch tư pháp Công an tỉnh Điện Biên;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh;
- Phân trại tạm giam Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên;
- THADS tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Lưu: HSVA, HSTHA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tòng Thị Lan